

Số: 03/2020/QĐST - DS

Tuyên Hóa, ngày 15 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 07 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2020/TLST - TCDS ngày 18 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, tp. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh H - Giám đốc chi nhánh huyện T, Bắc Quảng Bình (theo quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019)

Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu 4 thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình

- Người được ủy quyền lại: Ông Lê Thanh H - Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh.

Bị đơn: Ông Phạm Xuân N; bà Võ Thị T

Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Đại diện nguyên đơn ông Lê Thanh H và bị đơn ông Phạm Xuân N bà Võ Thị T thừa nhận khoản nợ mà ông N và bà T phải trả theo hợp đồng tín dụng số 28012-

CN/2017/HĐTD ngày 29/12/2017 tính đến ngày 07/7/2020 là 364.501.369đ (ba trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm linh một nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) trong đó, nợ tiền gốc: 330.000.000 đồng và nợ tiền lãi 34.501.369 đồng.

- Đại diện nguyên đơn ông Lê Thanh H và bị đơn ông Phạm Xuân N bà Võ Thị T thỏa thuận: Đến ngày 11 tháng 8 năm 2020 ông Phạm Xuân N và bà Võ Thị T sẽ có nghĩa vụ phải trả hết cho Ngân hàng N, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2020 là 364.501.369đ (ba trăm sáu mươi bốn triệu, năm trăm linh một nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh đến khi tất toán khoản vay. Nếu hết thời hạn trên mà ông Phạm Xuân N và bà Võ Thị T không trả hết số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị thi hành các tài sản thế chấp để thu hồi khoản vay gồm:

1. Thửa đất số 354, 360 tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất tại: TK 54/10 thôn K, xã K, huyện T, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 482381 cấp ngày 10/12/2008; đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ ông Phạm Xuân N, bà Võ Thị T. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2020 thì 02 thửa đất nói trên có chiều dài các cạnh, tứ cận và diện tích cụ thể như sau:

+ Đối với thửa đất số 360:

Điểm 1 đến điểm 2 dài 24,74 m; Điểm 2 đến điểm 3 dài 23,03 m; Điểm 3 đến điểm 4 dài 25,46 m; Điểm 4 đến điểm 5 dài 8,43 m; Điểm 5 đến điểm 6 dài 9,24 m; Điểm 6 đến điểm 7 dài 24,08 m; Điểm 7 đến điểm 8 dài 23,22 m; Điểm 8 đến điểm 9 dài 16,94 m; Điểm 9 đến điểm 10 dài 8,96 m; Điểm 10 đến điểm 11 dài 20,03 m; Điểm 11 đến điểm 12 dài 16,32 m; Điểm 12 đến điểm 13 dài 30,23 m; Điểm 13 đến điểm 14 dài 1,44 m; Điểm 14 đến điểm 15 dài 5,21 m; Điểm 15 đến điểm 16 dài 12,14 m; Điểm 16 đến điểm 17 dài 5,83 m; Điểm 17 đến điểm 18 dài 5,32 m; Điểm 18 đến điểm 19 dài 5,95 m; Điểm 19 đến điểm 20 dài 7,81 m; Điểm 20 đến điểm 21 dài 7,59 m; Điểm 21 đến điểm 22 dài 22,8 m; Điểm 22 đến điểm 23 dài 48,84 m; Điểm 23 đến điểm 24 dài 6,4 m; Điểm 24 đến điểm 25 dài 18,6 m; Điểm 25 đến điểm 26 dài 97,25 m; Điểm 26 đến điểm 27 dài 10,92 m; Điểm 27 đến điểm 1 dài 65,21 m;

Tứ cận của thửa đất số 360: Hướng Đông Nam giáp đường giao thông; hướng Bắc tiếp giáp với đất của ông Phạm Xuân N (thửa số 354); hướng Tây Nam giáp với đất rừng của ông Phạm Bá T (thửa đất số 347).

Diện tích hiện trạng sử dụng của thửa đất số 360 là 16.389 m².

+ Đối với thửa đất số 354:

Điểm 1 đến điểm 2 dài 15,81 m; Điểm 2 đến điểm 3 dài 46,18 m; Điểm 3 đến điểm 4 dài 32,24 m; Điểm 4 đến điểm 5 dài 21,98 m; Điểm 5 đến điểm 6 dài 36,57 m; Điểm 6 đến điểm 7 dài 22,1 m; Điểm 7 đến điểm 8 dài 1,89 m; Điểm 8 đến điểm 9 dài 17,79 m; Điểm 9 đến điểm 10 dài 52,47 m; Điểm 10 đến điểm 11 dài 56,04 m; Điểm 11 đến điểm 12 dài 48,27 m; Điểm 12 đến điểm 13 dài 6,32 m; Điểm 13 đến điểm 14 dài 20,02 m; Điểm 14 đến điểm 15 dài 1,44 m; Điểm 15 đến điểm 16 dài 5,21 m; Điểm 16 đến điểm 17 dài 12,14 m; Điểm 17 đến điểm 18 dài 5,83 m; Điểm 18 đến

điểm 19 dài 5,32 m; Điểm 19 đến điểm 20 dài 5,95 m; Điểm 20 đến điểm 21 dài 7,81 m; Điểm 21 đến điểm 22 dài 5,35 m; Điểm 22 đến điểm 1 dài 63,66 m;

Tứ cận của thửa đất số 354: Hướng Đông tiếp giáp đường giao thông; hướng Đông Bắc tiếp giáp với đất bằng chưa sử dụng do UBND xã K quản lý và giáp với thửa đất số 345; hướng Bắc tiếp giáp với thửa đất số 325, thửa số 339 và thửa số 333; hướng Tây tiếp giáp với đất bằng chưa sử dụng do UBND xã K quản lý; hướng Nam tiếp giáp với đất rừng của ông Phạm Xuân N (thửa số 360)

Diện tích hiện trạng sử dụng của thửa đất số 354 là 8.264 m².

2. Xe ô tô tải mui phủi 4600 kg hiệu THACO, chủng loại FC500; số khung 051285; số máy D12F5900333, màu sơn xanh; biển kiểm soát 73C-000.50 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010; tên chủ xe là Công ty TNHH XDTH X.

Kể từ ngày 08/7/2020 người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 28012-CN/2017/HĐTD ngày 29/12/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí: Đại diện nguyên đơn ông Lê Thanh H và bị đơn ông Phạm Xuân N bà Võ Thị T thỏa thuận ông Phạm Xuân N bà Võ Thị T sẽ chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch là 9.112.534đ (chín triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm ba mươi tư đồng). Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 8.945.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự theo biên lai số 0003898 ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Tuyên Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hữu Tình